TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/DS-ST
Ngày: 07/8/2018
V/v tranh chấp
hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Trường Lâm**
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông **Phan Văn Chiếu**
Bà **Dương Thị Tú Phương**
Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Chi** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông **Trương Quốc Tuấn** – Kiểm sát viên.
Ngày 07 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2018/TLST- DS ngày 16 tháng 5 năm 2018 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2018/QĐXXST- DS ngày 25 tháng 6 năm 2018, giữa:
- *Nguyên đơn***: Ngân hàng A**
Người đại diện theo pháp luật: ông **Dương Quyết T** – chức vụ: Tổng giám đốc.
Địa chỉ: Số xx, Phố LĐ, HL, HM, Hà Nội.
Người đại diện theo ủy quyền: ông **Trương Ngọc Đ** – chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Phòng giao dịch Ngân hàng A huyện P, tỉnh Bạc Liêu.
Địa chỉ: ấp L, thị trấn Ph, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.
- *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị M –** sinh năm 1972
Địa chỉ: ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu
Ông Đ xin xét xử vắng mặt, bà M có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2018 và các lời khai tiếp theo trong hồ sơ vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng A trình bày:
Trên cơ sở giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay của bà Phạm Thị M theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường (viết tắt Nước sạch

&VSMT) và chương trình cho vay hộ nghèo, Ngân hàng A đã giải ngân cho bà Phạm Thị M vay các khoản như sau:

+ Khoản vay Nước sạch &VSMT: ngày 29/9/2007, bà M vay số tiền gốc 6.000.000đ, lãi suất 0,65%/tháng, lãi quá hạn 0,845%/tháng, thời hạn vay 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 08/9/2012, sau đó được gia hạn nhiều lần. Bà M đã thanh toán được 1.800.000đ gốc và 2.642.640đ lãi. Tạm tính đến ngày 09/5/2018, bà M còn nợ 4.200.000đ tiền gốc và 1.177.460đ tiền lãi.

+ Khoản vay hộ nghèo: ngày 11/8/2009, bà M vay số tiền gốc 6.000.000đ, lãi suất 0,65%/tháng, lãi quá hạn 0,845%/tháng, thời hạn vay 24 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 08/8/2011, sau đó được gia hạn nhiều lần. Bà M đã thanh toán được 2.054.620đ lãi, chưa trả tiền gốc. Tạm tính đến ngày 09/5/2018, bà M còn nợ 6.000.000đ tiền gốc và 1.836.525đ tiền lãi.

Nguyên đơn yêu cầu bà Phạm Thị M có trách nhiệm thanh toán tiền gốc và tiền lãi còn thiếu đối với khoản vay Nước sạch &VSMT và khoản vay hộ nghèo, tính đến ngày 09/5/2018 và tiếp tục trả lãi với mức lãi suất nợ quá hạn, theo hợp đồng vay đã ký cho đến khi thanh toán hết số tiền gốc trên.

Bị đơn bà Phạm Thị M trình bày:

Bà M thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng A như đại diện của nguyên đơn trình bày. Bà M đồng ý trả nợ cho Ngân hàng A số tiền nợ gốc là 10.200.000đ gốc và tiền lãi tính đến ngày 09/5/2018 là 3.013.985đ, đồng ý trả lãi theo yêu cầu của NHCSXH. Tuy nhiên bà M trình bày do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chưa thể trả nợ cho Ngân hàng A.

Tại phiên tòa, bà M đề nghị sẽ trả ngay cho Ngân hàng A số tiền gốc 8.000.000đ, sau đó sẽ trả mỗi tháng 1.000.000đ, đề nghị không tính lãi trong giai đoạn thi hành án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:

+ Về tố tụng:

Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: từ khi tham gia tố tụng đến nay, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung:

Đại diện nguyên đơn và bị đơn thống nhất bà M có vay tiền của Ngân hàng A tại hai hợp đồng như nguyên đơn trình bày. Bà M thừa nhận số tiền nợ gốc là 10.200.000đ gốc và tiền lãi tính đến ngày 09/5/2018 là 3.013.985đ, đồng ý trả lãi trong giai đoạn thi hành án theo yêu cầu của Ngân hàng A. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A, buộc bà M trả số tiền gốc 10.200.000đ và 3.013.985đ tiền lãi tính đến ngày 09/5/2018. Kể từ ngày 10/5/2018, bà M còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng (0,845%/tháng) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngân hàng A có tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà M. Bà M có địa chỉ cư trú tại huyện Phước Long, căn cứ vào Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phước Long.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, ông Trương Ngọc Đ là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét thấy: bà M thừa nhận có vay và thiếu tiền của Ngân hàng A như đại diện Ngân hàng trình bày. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh";* Hội đồng xét xử có căn cứ xác định vào ngày 29/9/2007, bà Phạm Thị M vay của Ngân hàng A số tiền 6.000.000đ. Tại giấy đề nghị vay vốn ngày 27/9/2007 thể hiện mục đích sử dụng tiền vay là nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, lãi suất trong hạn 0,65%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 0,845%/tháng, thời hạn vay 60 tháng. Đối với khoản vay này Ngân hàng và bà M thống nhất bà M đã trả được một phần tiền gốc là 1.800.000đ, còn nợ số tiền gốc là 4.200.000đ và số tiền lãi là 1.177.460đ tính đến ngày 09/5/2018. Ngày 11/8/2009, bà M vay của Ngân hàng A thêm số tiền 6.000.000đ với mục đích sử dụng hộ nghèo, lãi trong hạn 0,65%/tháng, lãi quá hạn 0,845%/tháng, thời hạn vay 24 tháng. Khoản vay này bà M chưa thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng.

[4] Quá trình làm việc tại Tòa án, bà M đã thống nhất trả nợ cho Ngân hàng, thống nhất trả vốn và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn"*, bà M phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng khi đến hạn, việc bà M xác định do hoàn cảnh khó khăn nên chưa trả nợ là không có căn cứ, không được chấp nhận. Tại phiên tòa, bà M trình bày sẽ trả ngay cho Ngân hàng A số tiền gốc 8.000.000đ, số tiền còn lại sẽ trả mỗi tháng 1.000.000đ. Tuy nhiên, đại diện Ngân hàng xin xét xử vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng A, buộc bà M trả cho Ngân hàng A khoản nợ gốc là 10.200.000đ gốc và tiền lãi tính đến ngày 09/5/2018 là 3.013.985đ.

[5] Tại Án lệ số 08/2016/AL được chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có nội dung: *"Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong*

khoản nợ gốc này". Xét yêu cầu của bà M không tính lãi trong giai đoạn thi hành án, do Ngân hàng A không có ý kiến miễn lãi cho bà M và lời trình bày của bà M không phù hợp với nội dung Án lệ số 08 nên không được chấp nhận. Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu tính lãi trong giai đoạn thi hành án của nguyên đơn, buộc bà M kể từ ngày 10/5/2018 phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hai hợp đồng là 0,845%/tháng cho đến khi thanh toán xong số tiền gốc.

[6] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[7] *Về án phí:*

Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là (13.213.985đ x 5%) = 660.699đ.

Ngân hàng A không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Áp dụng Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL;
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Buộc bà Phạm Thị M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A số tiền 10.200.000đ (mười triệu hai trăm ngàn đồng) gốc và tiền lãi tính đến ngày 09/5/2018 là 3.013.985đ (ba triệu không trăm mười ba ngàn chín trăm tám mươi lăm đồng).

Kể từ ngày 10/5/2018, bà M còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng (0,845%/tháng) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2/ Về án phí: Án phí dân sự giá ngạch buộc bà M chịu 660.699đ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

3/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý

do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lư Trường Lâm

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
-VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.